TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2025/DS-ST
Ngày: 31/7/2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Thái**

2. Ông **Huỳnh Quốc Diện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm Sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2025/TLST ngày 10 tháng 4 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST- DS, ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần P**

Trụ sở: Tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, phường TT, thành phố T thành phố H

(Nay là Tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, Phường A, thành phố H)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T **-** chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L **-** chức vụ: Giám đốc PGD Rạch Sỏi.

Người được uỷ quyền lại: Bà **Trần Thanh T**, sinh năm 1987. Chức vụ: Chuyên viên cao cấp thu hồi nợ

Địa chỉ: số 281 Nguyễn Trung Trực, P. VL, TP. R, tỉnh K

(Nay là số 281 Nguyễn Trung Trực, phường R, tỉnh A)

(Theo văn bản uỷ quyền số 24/2025/UQ-OCB ngày 17/3/2025 của Ngân hàng TMCP P)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K.

(Nay là ấp H, xã T, tỉnh A)

Ông **Đỗ Anh Đ**, sinh năm 1994

Địa chỉ: số 938 NQ, phường A, thành phố R, tỉnh K.

(Nay là số 938 NQ, phường R, tỉnh A)

(Bà Thuỳ, bà D có mặt; ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2025, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án người được ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P – bà Trần Thanh T trình bày:*

Ông Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thùy D ký Hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh K – Phòng Giao dịch R theo Hợp đồng tín dụng số ST23029557/2023/PRS/HĐTD ngày 28/9/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 176/2023/HĐTD/THE/TTBL-RS ngày 08/11/2023 giữa OCB với ông Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thùy D chi tiết như sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số ST 23029557/2023/PRS/HĐTD ngày 28/9/2023; Khế ước nhận nợ số ST23029557.03/2024/PRS/KUNN ngày 15/08/2024 giữa OCB với ông Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thùy D: Số tiền vay: 1,000,000,000 đồng (Một tỷ đồng); Mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán quần áo; Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày theo ngày giải ngân đầu tiên, Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là 15/01/2025; Lãi suất cố định như sau: 8,9%/năm trong suốt thời gian vay; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

(2) Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 176/2023/HĐTD/THE/TTBL-RS ngày 08/11/2023 giữa OCB với bà Nguyễn Thị Thùy D: Số tiền vay: 40,000,000 đồng; Mục đích vay: Cấp hạn mức thẻ tín dụng; Lãi suất thẻ: theo quy định của OCB;

Thông tin tài sản bảo đảm:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số ST23029557/2023/PRS/HĐTC ngày 28/9/2023 giữa OCB với bà Nguyễn Thị Thùy

D số công chứng 5821, quyển số 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn Phòng Công Chứng Số 1 tỉnh Kiên Giang; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 206; Tờ bản đồ số: 9; Địa chỉ thửa đất: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K theo Giấy Chứng Nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 932497, số vào sổ cấp GCN: CH 01192 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/11/2013, Cập nhật biến động tặng cho sau cùng ngày 01/06/2023. Tài sản bảo đảm đã được đã được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Đ, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số số ST23029557/2023/PRS/HĐTD ngày 28/9/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 176/2023/HĐTD/THE/TTBL-RS ngày 08/11/2023 giữa OCB với Ông/bà Đỗ Anh Đ, Nguyễn Thị Thùy D. Như vậy, ông bà Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thùy D đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với OCB.

Tạm tính đến ngày 12/03/2025 là: 1.064.445.999 đồng (Một tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi lăm ngàn, chín trăm chín mươi chín đồng) trong đó: tiền gốc là 1.039.842.660 đồng, tiền lãi 24.603.339 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/03/2025 cho đến khi ông Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thùy D tất toán khoản nợ.

Đến ngày 14/7/2025, tổng nghĩa vụ nợ của ông Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thùy D tại OCB phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số ST23029557/2023/PRS/HĐTD ngày 28/9/2023 và Khế ước nhận nợ số ST23029557.03/2024/PRS/KUNN ngày 15/08/2024; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 176/2023/HĐTD/THE/TTBL-RS ngày 08/11/2023 là: 1.110.807.684 đồng trong đó: tiền gốc là 1.039.536.045 đồng, tiền lãi là 71.271.639 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP Phương Đông yêu cầu: Buộc ông Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thùy D thanh toán cho Ngân hàng TMCP P các khoản sau:

- Hợp đồng tín dụng số ST23029557/2023/PRS/HĐTD ngày 28/9/2023 và Khế ước nhận nợ số ST23029557.03/2024/PRS/KUNN ngày 15/08/2024 là 1.074.507.878 đồng (trong đó tiền gốc là 999.550.615 đồng, tiền lãi là 74.957.263 đồng);

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 176/2023/HĐTD/THE/TTBL-RS ngày 08/11/2023 là 42.647.093 đồng (trong đó tiền gốc 39.985.430 đồng, tiền lãi 2.661.663 đồng).

Tổng cộng hai khoản là: 1.117.154.971 đồng (trong đó tiền gốc là 1.039.536.045 đồng, tiền lãi là 77.618.926 đồng) cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2025 cho đến khi ông Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thùy D thanh toán dứt nợ *(Tính theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số ST23029557/2023/PRS/HĐTD ngày 28/9/2023 và Khế ước nhận nợ số ST23029557.03/2024/PRS/KUNN ngày 15/08/2024; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 176/2023/HĐTD/THE/TTBL-RS ngày 08/11/2023)*

Nếu ông Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thùy D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo *Hợp đồng thế chấp số ST23029557/2023/PRS/HĐTC ngày 28/9/2023 số công chứng 5821, quyển số 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn Phòng Công Chứng Số 1 tỉnh Kiên Giang; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 206; Tờ bản đồ số: 9; Địa chỉ thửa đất: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K theo Giấy Chứng Nhận quyền đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 932497, số vào sổ cấp GCN: CH 01192 do UBND huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/11/2013, cập nhật biến động tặng cho sau cùng ngày 01/06/2023.*

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung trình bày tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án:*

Vào năm 2023 bà và chồng bà là ông Đỗ Anh Đ cùng Ngân hàng TMCP P ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh Kiên Giang – Phòng Giao dịch Rạch Sỏi gồm: Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng.

Đối với Hợp đồng tín dụng: số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh mua bán quần áo, thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày theo ngày giải ngân, hạn trả là ngày 15/01/2025.

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/11/2023: số tiền vay là 40.000.000 đồng; Mục đích vay: Cấp hạn mức thẻ tín dụng; Lãi suất thẻ: theo quy định của OCB;

Khi vay tiền thì vợ chồng bà có thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 206; Tờ bản đồ số: 9; Địa chỉ thửa đất: ấp Hoà Phước, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo Giấy Chứng Nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 932497, số vào sổ cấp GCN: CH 01192 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/11/2013, cập nhật biến động sau cùng ngày 01/6/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng vợ chồng bà không có khả năng trả tiền gốc và tiền lãi đúng hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng TMCP P khởi kiện.

Tại phiên toà, bà D thừa nhận vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng TMCP P số tiền tổng cộng hai khoản là: 1.117.154.971 đồng (trong đó tiền gốc là 1.039.536.045 đồng, tiền lãi là 77.618.926 đồng) cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ nhưng xin thêm thời gian để lo tiền thanh toán nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp không thanh toán được nợ thì bà D thống nhất cho phát mãi tài sản để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng.

** Bị đơn ông Đỗ Anh Đ vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2025 ông Đỗ Anh Đ trình bày:*

Vào năm 2023 ông và vợ là bà Nguyễn Thị Thuỳ D cùng Ngân hàng TMCP P ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh Kiên Giang – Phòng Giao dịch Rạch Sỏi gồm: Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng.

Đối với Hợp đồng tín dụng: số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh mua bán quần áo, thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày theo ngày giải ngân, hạn trả là ngày 15/01/2025.

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/11/2023 thì số tiền vay là 40.000.000 đồng; Mục đích vay: Cấp hạn mức thẻ tín dụng; Lãi suất thẻ: theo quy định của OCB.

Khi vay tiền thì vợ chồng ông có thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 206; Tờ bản đồ số: 9; Địa chỉ thửa đất: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K theo Giấy Chứng Nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 932497, số vào sổ cấp GCN: CH 01192 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/11/2013, cập nhật biến động sau cùng ngày 01/6/2023. Quá trình thực hiện hợp

đồng tín dụng vợ chồng ông không có khả năng trả tiền gốc và tiền lãi đúng hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng TMCP P khởi kiện.

Ông Đ thừa nhận vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng TMCP P số tiền của Hợp đồng tín dụng số ST23029557/2023/PRS/HĐTD ngày 28/9/2023 và Khế ước nhận nợ số ST23029557.03/2024/PRS/KUNN ngày 15/08/2024; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 176/2023/HĐTD/THE/TTBL-RS ngày 08/11/2023 theo như số tiền mà Ngân hàng đã yêu cầu.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P. Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Đỗ Anh Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P toàn bộ số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là: 1.117.154.971 đồng (trong đó tiền gốc là 1.039.536.045 đồng, tiền lãi là 77.618.926 đồng) cùng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 tính lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thùy D thanh toán hết nợ. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Đỗ Anh Đ không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng đối với tài sản đã thế chấp là *Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 206; Tờ bản đồ số: 9; Địa chỉ thửa đất: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K theo Giấy Chứng Nhận quyền đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 932497, số vào sổ cấp GCN: CH 01192 do UBND huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/11/2013, Cập nhật biến động tặng cho sau cùng ngày 01/06/2023 (Theo Hợp đồng thế chấp số ST23029557/2023/PRS/HĐTC ngày 28/9/2023 số công chứng 5821, quyển số 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn Phòng Công Chứng Số 1 tỉnh Kiên Giang)*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Đỗ Anh Đ trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền vay cùng tiền lãi phát sinh nên tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*". Tại thời điểm Ngân hàng TMCP P khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Đỗ Anh Đ có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K (nay là ấp Hòa Phước, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang) nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và nay là Toà án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn Đỗ Anh Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Anh Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: vợ chồng ông Đỗ Anh Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung có vay tiền của Ngân hàng TMCP P theo Hợp đồng tín dụng số ST23029557/2023/PRS/HĐTD ngày 28/9/2023 và Khế ước nhận nợ số ST23029557.03/2024/PRS/KUNN ngày 15/08/2024 với số tiền 1.000.000.000 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 176/2023/HĐTD/THE/TTBL-RS ngày 08/11/2023 với số tiền 40.000.000 đồng. Trong thời gian vay ông Đ, bà D không thực hiện việc trả tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng đúng như thoả thuận nên đã vi phạm hợp đồng đã ký kết. Do đó Ngân hàng TMCP P yêu cầu bà D và ông Đ trả toàn bộ số tiền vay gốc lãi tổng cộng là 1.117.154.971 đồng (trong đó tiền gốc là 1.039.536.045 đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/7/2025 là 77.618.926 đồng)

Xét Hợp đồng tín dụng số ST23029557/2023/PRS/HĐTD ngày 28/9/2023 và Khế ước nhận nợ số ST23029557.03/2024/PRS/KUNN ngày 15/08/2024 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 176/2023/HĐTD/THE/TTBL-RS ngày 08/11/2023 giữa Ngân hàng TMCP P với ông Đ và bà D được lập thành văn bản và ký kết với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của

pháp luật khi giao kết nên hợp đồng và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ nêu trên là hợp pháp; làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Vợ chồng ông Đ, bà D cũng thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông bà đã vi phạm thoả thuận trong hợp đồng. Do đó căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng kinh doanh tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Giữa Ngân hàng TMCP P với ông Đỗ Anh Đ, bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung có ký kết Hợp đồng thế chấp số ST23029557/2023/PRS/HĐTC ngày 28/9/2023 số công chứng 5821, quyển số 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn Phòng Công Chứng Số 1 tỉnh Kiên Giang đối với Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 206; Tờ bản đồ số: 9; Địa chỉ thửa đất: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K theo Giấy Chứng Nhận quyền đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 932497, số vào sổ cấp GCN: CH 01192 do UBND huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/11/2013, Cập nhật biến động tặng cho sau cùng ngày 01/06/2023 do bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung đứng tên. Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật và được tiến hành đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền, nên có hiệu lực. Vì vậy, trường hợp nếu bị đơn không trả được nợ vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P buộc bị đơn ông Đỗ Anh Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền vay gốc lãi tổng cộng 1.117.154.971 đồng (trong đó tiền gốc là 1.039.536.045 đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/7/2025 là 77.618.926 đồng) là phù hợp.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P được chấp nhận nên bị đơn ông Đỗ Anh Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 45.514.649 đồng. Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng TMCP P 22.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010629 ngày 04/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – An Giang).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Đỗ Anh Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ D.

Buộc bị đơn ông Đỗ Anh Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tổng cộng là **1.117.154.971đ (một tỷ, một trăm mười bảy triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi mốt đồng**) (trong đó tiền gốc là 1.039.536.045 đồng, tiền lãi tính đến ngày 31/7/2025 là 77.618.926 đồng) cùng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2025 theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số ST23029557/2023/PRS/HĐTD ngày 28/9/2023 và Khế ước nhận nợ số ST23029557.03/2024/PRS/KUNN ngày 15/08/2024; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ và đăng ký

dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 176/2023/HĐTD/THE/TTBL-RS ngày 08/11/2023 cho đến khi tất toán xong số nợ vay cho Ngân hàng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả không hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản thế chấp *(gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số: 206; Tờ bản đồ số: 9; Địa chỉ thửa đất: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K theo Giấy Chứng Nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 932497, số vào sổ cấp GCN: CH 01192 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/11/2013, Cập nhật biến động tặng cho sau cùng ngày 01/06/2023*) để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST23029557/2023/PRS/HĐTC ngày 28/9/2023 số công chứng 5821, quyển số 12/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn Phòng Công Chứng Số 1 tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn *01 (một) bản gốc Giấy Chứng Nhận quyền đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 932497, số vào sổ cấp GCN: CH 01192 do UBND huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 08/11/2013, cập nhật biến động tặng cho sau cùng ngày 01/06/2023 do bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung đứng tên đối với thửa đất số: 206; Tờ bản đồ số: 9; Địa chỉ thửa đất: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh K*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Đỗ Anh Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 45.514.649 đồng. Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng TMCP P 22.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010629 ngày 04/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – An Giang).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Phạm Ngọc Khánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA - PHIÊN TÒA

Vũ Văn Hợp Nguyễn Duy Khương Danh Phạm Ngọc Khánh